

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2020

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mạc Hoàng Nhũ.

Ông Trần Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1970 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Tô Tấn T, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 ông Tô Tấn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Bà và ông Tô Tấn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt không thể hòa giải được. Bà xét thấy không thể cùng nhau chung sống được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Tô Tấn T. Trong quá trình chung sống

bà và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 21 tháng 4 năm 2020 ông Tô Tấn T trình bày: Ông và bà Phan Thị N tự nguyện chung sống với nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải nên bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phan Thị N. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tô Tấn T. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Tô Tấn T là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Tô Tấn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Tô Tấn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà N giữ yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng không còn thương yêu ông T. Tại bản tự khai ngày 21 tháng 4 năm 2020 ông T đồng ý ly hôn với bà N. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan Thị N ly hôn với ông Tô Tấn T.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000đ, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị N và ông Tô Tấn T.

- Về án phí: Bà Phan Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019994 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Phan Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tô Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**